BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
28-07-2026 21:52:04 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 20-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIV
về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

---

I- TÌNH HÌNH

Sau 8 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng đặc biệt của biển được nâng lên rõ rệt; thể chế, chính sách, pháp luật về biển tiếp tục được hoàn thiện; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và quản trị biển được tăng cường. Kinh tế biển tiếp tục khẳng định vai trò là động lực quan trọng của nền kinh tế. Hạ tầng, cảng biển, khu kinh tế, khu công nghiệp và đô thị ven biển được quan tâm đầu tư. Điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ biển được chú trọng. Đời sống Nhân dân vùng ven biển, hải đảo được cải thiện. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế được củng cố, tăng cường, giữ vững chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia và bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển đất nước.

Tuy nhiên, nhận thức về vị trí, vai trò của biển và yêu cầu phát triển quốc gia biển mạnh có lúc, có nơi chưa đầy đủ; quản trị biển chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Thể chế, chính sách thiếu đồng bộ; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước còn hạn chế; chức năng, nhiệm vụ còn chồng chéo. Kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; cơ cấu ngành chuyển dịch còn chậm; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh chưa cao. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, điều tra cơ bản và phát triển nguồn nhân lực biển chưa đáp ứng yêu cầu. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển gặp nhiều thách thức; ô nhiễm môi trường biển, suy giảm nguồn lợi thuỷ sản, tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xói lở bờ biển diễn biến phức tạp, việc khắc phục cảnh báo thẻ vàng khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) còn chậm. Đời sống của một bộ phận cư dân ven biển, hải đảo còn khó khăn. Giá trị văn hoá biển chưa được khai thác, phát huy đầy đủ. Việc quản lý, khai thác và làm chủ không gian biển

chưa đáp ứng yêu cầu; khả năng dự báo, phòng ngừa và ứng phó với các thách thức an ninh trên biển còn hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng có lúc, có nơi chưa thật sự quyết liệt, quyết tâm chính trị chưa cao. Việc hoàn thiện thể chế, chính sách còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu phát triển; nhiều điểm nghẽn về hạ tầngkhoa học, công nghệ và quản trị biển chậm được tháo gỡ. Quy hoạch không gian biển còn nhiều bất cập. Mô hình quản lý tổng hợp, thống nhất chưa được hoàn thiện; cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng chưa hiệu quả; bộ máy quản lý nhà nước về biển và nguồn nhân lực còn hạn chế. Nguồn lực cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, điều tra cơ bản và dữ liệu biển còn thiếu, phân tán. Cơ chế, chính sách huy động nguồn lực đầu tư còn bất cập. Sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu chưa thực chất, còn nặng về khai thác, chưa coi trọng bảo vệ, bảo tồn.

Bối cảnh quốc tế và trong nước cùng với vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của biển và đại dương đặt ra yêu cầu phải xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp sau:

II- QUAN ĐIỂM

1. Biển, đảo Việt Nam gắn liền với chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, không gian sinh tồn và phát triển của đất nước, cửa ngõ giao lưu quốc tế và là nền tảng quan trọng của sức mạnh tổng hợp quốc gia. Xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh là chiến lược phát triển đất nước lâu dài, gắn chặt với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi quy hoạch, chiến lược, chương trình phát triển đất nước đều phải phục vụ yêu cầu bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia; nâng cao năng lực phòng thủ và bảo vệ lợi ích quốc gia trên biển; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định. Việt Nam phải có nền quản trị biển hiện đại; kinh tế biển phát triển hiệu quả; khoa học, công nghệ biển tiên tiến; môi trường biển bền vững; văn hoá biển giàu bản sắc; cộng đồng cư dân ven biển, trên đảo giàu mạnh; quốc phòng, an ninh biển đảo được giữ vững, hội nhập quốc tế thực chất, hiệu quả; vị thế, uy tín quốc tế ngày càng cao.

2. Chuyển mạnh tư duy từ khai thác biển sang quản trị biển hiện đại; từ phát triển kinh tế ven biển sang phát triển quốc gia biển mạnh; từ quản lý theo ngành sang quản trị tổng hợp, thống nhất không gian biển quốc gia. Hoàn thiện thể chế phát triển quốc gia biển mạnh là đột phá chiến lược; phát huy mạnh mẽ mọi nguồn

lực, khơi thông tiềm năng, lợi thế của biển, hải đảo; hình thành các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, hành lang kinh tế biển, gắn kết đất liền - biển - hải đảo và các không gian phát triển mới. Phát triển toàn diện văn hoá biển Việt Nam trở thành nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và sức mạnh mềm của quốc gia biển; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý thức làm chủ, khát vọng vươn ra biển lớn và trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

3. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao là động lực chính cho phát triển quốc gia biển mạnh, trọng tâm là phát triển và làm chủ tri thức, dữ liệu và công nghệ biển. Đẩy mạnh điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học biển, làm chủ công nghệ biển và đại dương. Phát triển mạnh các ngành, lĩnh vực biển hiện đại, xanh, số, tuần hoàn, nâng cao năng lực quản trị biển, năng lực cạnh tranh quốc gia và vị thế quốc tế của Việt Nam.

4. Khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên biển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển theo hướng xanh, thông minh, phát triển trong giới hạn sinh thái và khả năng chịu tải của môi trường biển, đại dương; kiên quyết không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Giảm mạnh các hoạt động khai thác thiếu bền vững, gây suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường; tăng cường bảo vệ đa dạng sinh học, mở rộng và quản lý hiệu quả các khu bảo tồn biển, gắn với sinh kế bền vững của người dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, biến đổi đại dương; nâng cao khả năng chống chịu, năng lực phòng, chống thiên tai, giảm thiểu rủi ro; bảo đảm duy trì lâu dài các giá trị và lợi ích chiến lược từ biển cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

5. Xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh là nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị; là quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân; bảo đảm đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước và sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của các chủ thể trong xã hội. Phát huy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn ra biển lớn; đề cao vai trò trung tâm của Nhân dân và doanh nghiệp trong phát triển kinh tế biển, gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo.

III- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nền tảng vững chắc để Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh. Hình thành hệ thống quản trị biển quốc gia hiện đại, thống nhất, đồng bộ, dựa

trên khoa học, công nghệ, dữ liệu số; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên và không gian biển; từng bước làm chủ biển xa, biển sâu và các không gian phát triển mới trên biển; bảo vệ môi trường, bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái biển. Kinh tế biển phát triển hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao. Đời sống Nhân dân vùng ven biển, hải đảo được nâng cao; văn hoá biển được gìn giữ và phát huy. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển được giữ vững; vị thế, uy tín và vai trò của Việt Nam được nâng cao.

b) Mục tiêu cụ thể

Kinh tế: Tổng GRDP của các tỉnh, thành phố ven biển đóng góp trên 70% GDP cả nước. Thu nhập bình quân đầu người các tỉnh, thành phố ven biển cao hơn 1,2 - 1,3 lần bình quân cả nước. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân của các địa phương ven biển phấn đấu đạt trên 11%/năm. Phát triển các dự án điện gió ngoài khơi có công suất 6 - 10 GW. Thị phần vận tải hàng hoá xuất nhập khẩu do đội tàu biển Việt Nam đảm nhận đạt 20%; chi phí logistics giảm còn dưới 12% GDP. Tốc độ tăng trưởng tổng thu du lịch biển, đảo bình quân 14%/năm. Giá trị sản xuất nuôi biển tăng bình quân 8%/năm; tỉ trọng nuôi biển trong tổng giá trị sản xuất thuỷ sản đạt 15%.

Phát triển không gian biển, hạ tầng biển: Hình thành 5 - 6 trung tâm kinh tế biển mạnh. Hình thành 3 khu kinh tế đặc biệt. Hoàn thành 100% tuyến đường bộ ven biển theo quy hoạch; 100% đảo có vị trí chiến lược, trọng yếu cơ bản được đầu tư hạ tầng thiết yếu đồng bộ.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Hình thành 2 - 3 tổ chức nghiên cứu về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo biển dẫn đầu trong khu vực ASEAN. Có 1 - 2 tàu nghiên cứu biển sâu lưỡng dụng. Hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về biển. Tỉ lệ số hoá, tích hợp và chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường, hạ tầng và hoạt động biển đạt 100% trong hệ thống quản lý nhà nước.

Quản trị không gian biển, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững: Hoàn thành 100% phân vùng chức năng biển cho từng ngành, lĩnh vực, địa phương. Diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia. 100% chất thải nhựa ven biển được thu gom, xử lý. 100% các đảo trọng yếu, dân sinh có hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải.

Văn hoá, xã hội: 100% di sản văn hoá biển được số hoá. Chỉ số phát triển con người (HDI) cao hơn trung bình cả nước. Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, có kỹ năng trong các ngành, nghề, lĩnh vực biển đạt trên 45%. 100%

cư dân vùng biển, hải đảo được tiếp cận điện, nước sạch, Internet băng rộng và dịch vụ y tế, giáo dục.

Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại: Bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển. Bảo đảm an ninh toàn diện cho Nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển. 100% công trình, dự án trọng điểm và các công trình biển quan trọng được bảo đảm an ninh, an toàn; 100% địa phương ven biển, các đảo xây dựng và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống. Đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển được đẩy mạnh, vai trò và vị thế Việt Nam trong các cơ chế hợp tác biển và đại dương toàn cầu được nâng cao.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Việt Nam là quốc gia biển mạnh, giàu từ biển, phát triển bền vững từ biển; có nền quản trị biển hiện đại, khoa học, công nghệ biển tiên tiến. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân vùng biển, đảo được nâng cao toàn diện; văn hoá biển được bảo tồn và phát huy. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển được giữ vững; có vị thế, uy tín và vai trò quan trọng trong hợp tác quốc tế, quản trị biển và đại dương toàn cầu.

IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển quốc gia biển mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị biển quốc gia

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới mạnh mẽ nhận thức, tư duy và tầm nhìn về phát triển quốc gia biển mạnh; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại về biển, đảo; phát huy hơn nữa vai trò của các cơ quan truyền thông, mạng xã hội. Xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh là chiến lược phát triển lâu dài. Chuyển mạnh từ tư duy khai thác tài nguyên và phát triển kinh tế biển đơn thuần sang tư duy phát triển toàn diện không gian biển quốc gia. Khẳng định biển là không gian phát triển chiến lược, động lực tăng trưởng mới, nơi hội tụ các lợi ích phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh, khoa học, công nghệ, đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về biển. Chuyển mạnh từ quản lý theo ngành sang mô hình quản trị hiện đại, tổng hợp, thống nhất không gian biển quốc gia trên cơ sở dữ liệu số và quy hoạch không gian biển. Quản trị đồng bộ vùng biển, đáy biển, lòng đất dưới biển, đảo, vùng ven biển và vùng trời trên biển; bảo đảm liên kết, điều phối hiệu quả giữa các ngành, lĩnh vực và

địa phương; hài hoà quan hệ giữa phát triển và bảo tồn, giữa lợi ích quốc gia và lợi ích địa phương, giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Nâng cao năng lực dự báo chiến lược, quản trị rủi ro và hoạch định chính sách; mở rộng không gian phát triển quốc gia ra biển xa, biển sâu và các không gian biển mới; chủ động tham gia và nâng cao vai trò trong các cơ chế hợp tác, quản trị biển, đại dương trong khu vực và toàn cầu. Khẩn trương kiện toàn, đổi mới toàn diện cơ chế điều phối liên ngành về biển và đại dương thống nhất, tập trung, đồng bộ, hiệu quả giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương. Chính phủ thống nhất quản lý, giao một cơ quan chủ trì điều phối các hoạt động trên biển, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan.

Phát huy vai trò, tính chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về biển; phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

2. Hoàn thiện thể chế, đổi mới công tác quy hoạch không gian biển quốc gia, tạo đột phá phát triển quốc gia biển mạnh

Đổi mới quản trị không gian biển quốc gia là nội dung cốt lõi, mang tính đột phá trong hoàn thiện thể chế phát triển quốc gia biển mạnh. Khẩn trương rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển, hải đảo và các lĩnh vực liên quan, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, minh bạch, ổn định, khả thi và có sức cạnh tranh quốc tế; tháo gỡ các điểm nghẽn, chồng chéo, mâu thuẫn; giải phóng và huy động hiệu quả mọi nguồn lực, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế; chủ động nhận diện, dự báo và đón đầu các xu hướng phát triển, các lĩnh vực biển mới. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật về biển, gắn trách nhiệm của cơ quan thực thi với kết quả thực hiện.

Hoàn thiện pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, xác lập nguyên tắc quản trị không gian biển theo hướng hiện đại, tổng hợp, thống nhất, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững biển, đại dương. Hoàn thiện cơ chế giao, cho thuê, đấu giá, đăng ký, cấp giấy chứng nhận sử dụng, khai thác không gian biển; quy định rõ quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia hoạt động trên không gian biển, trong đó có quyền chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê lại; khai thác bền vững gắn với bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển. Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù, vượt

trội để phát triển hạ tầng và các ngành, lĩnh vực biển mới, trọng điểm, có tính dẫn dắt, lan toả. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng ngừa, ứng phó rủi ro và kiểm soát chặt chẽ các hoạt động tác động tiêu cực, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường biển.

Khẩn trương rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, kết nối giữa không gian đất liền, biển, vùng trời và các không gian phát triển mới; định hướng không gian phát triển đa tầng, đa ngành cho các vùng trọng điểm, các ngành, lĩnh vực biển. Hoàn thiện quy định, hướng dẫn kỹ thuật về phân vùng chức năng, sử dụng không gian biển, bảo đảm quy hoạch không gian biển quốc gia là công cụ quản lý tổng hợp và điều phối phát triển không gian biển quốc gia, có tính ràng buộc đối với toàn bộ hệ thống quy hoạch ngành, vùng và địa phương ven biển; là căn cứ để phân bổ nguồn lực, giao, cho thuê không gian biển; kiểm soát, xử lý xung đột, tránh chồng lấn, thiếu phối hợp trong sử dụng không gian biển. Hoạt động lấn biển được thực hiện trên cơ sở quy hoạch, bảo đảm hài hoà giữa phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển, ứng phó với biến đổi khí hậu. Chú trọng quy hoạch đồng bộ, hiện đại các đảo và vùng ven biển, bảo đảm phát triển bền vững, gắn với quốc phòng, an ninh và ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo tiền tiêu. Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chí đánh giá, đo lường các chỉ tiêu, mục tiêu về xây dựng và phát triển quốc gia biển mạnh.

3. Huy động, phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát triển mạnh doanh nghiệp biển, nhất là các tập đoàn, tổng công ty quy mô lớn

Hoàn thiện cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển quốc gia biển mạnh; đa dạng hoá các hình thức huy động vốn, thúc đẩy tài chính xanh; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực, địa bàn và dự án trọng điểm có sức lan toả lớn; phát huy hiệu quả các nguồn lực, tháo gỡ các điểm nghẽn về đất đai, tín dụng, tài nguyên, không gian biển và các nguồn lực khác. Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các khu kinh tế quốc phòng trên biển và ven biển. Huy động nguồn lực cho nghiên cứu phát triển và thúc đẩy tiếp nhận, làm chủ và chuyển giao công nghệ trong các ngành công nghiệp quốc phòng, an ninh phục vụ bảo vệ chủ quyền gắn với phát triển kinh tế biển. Thực hiện cơ chế chia sẻ rủi ro thực chất giữa Nhà nước và doanh nghiệp.

Phát triển mạnh các doanh nghiệp biển giữ vai trò dẫn dắt; khuyến khích thu hút kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hình thành các tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành, lĩnh vực biển quan trọng. Có cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp trong nước có đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản, tìm kiếm, thăm dò tài nguyên, khoáng sản biển và phát triển các ngành, lĩnh vực biển mới. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp trong nước với các tập đoàn đa quốc gia, tham gia sâu vào chuỗi giá trị đại dương toàn cầu.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao

Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về biển; phát triển các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ biển, đại dương và khai thác biển sâu hiện đại dẫn đầu khu vực; hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo biển quốc gia gắn với doanh nghiệp, viện, trường và các trung tâm đổi mới sáng tạo. Triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, mô hình và ngành, lĩnh vực biển mới. Tập trung triển khai nghiên cứu và ứng dụng về khoa học, công nghệ biển. Rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng hệ thống viện, trường, cơ sở nghiên cứu hải dương học, cơ sở đào tạo nguồn nhân lực về biển, đại dương; xác định nhu cầu, mục tiêu và lộ trình phát triển đến năm 2045, đáp ứng yêu cầu làm chủ khoa học, công nghệ và quản trị biển hiện đại. Ưu tiên bố trí nguồn lực, thúc đẩy xây dựng, hoàn thiện, tích hợp và khai thác hiệu quả dữ liệu biển quốc gia, bản đồ số biển và đại dương; đầu tư tàu nghiên cứu biển lưỡng dụng, hoạt động xa bờ, dài ngày, trang thiết bị hiện đại. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số biển, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám, Internet vạn vật trong quản trị biển, công nghệ biển sâu, công nghệ quan trắc biển, hệ thống giám sát biển thông minh, các lĩnh vực công nghệ biển thế hệ mới, dữ liệu môi trường biển và trong dự báo, cảnh báo thiên tai, quản lý không gian và bảo vệ môi trường biển.

Tập trung nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ, chuyển giao, phát triển các công nghệ tiên tiến về biển và đại dương; khuyến khích phát triển công nghệ lưỡng dụng. Phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao, bảo đảm số lượng, chất lượng và cơ cấu phù hợp. Xây dựng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và cán bộ quản lý nhà nước có chuyên môn sâu về biển; xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu về đại dương học, khoa học, kỹ thuật, công nghệ biển và quản trị biển hiện đại; lựa chọn phát triển một số ngành, lĩnh vực biển trọng điểm trong hệ thống giáo dục quốc dân; nâng cao năng lực dự báo

nhu cầu lao động. Đẩy mạnh thu hút, trọng dụng, kết nối và phát huy hiệu quả đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia quốc tế phục vụ phát triển quốc gia biển mạnh.

5. Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các ngành, lĩnh vực biển mới

Phát triển hệ sinh thái kinh tế biển hiện đại. Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số toàn diện các ngành, lĩnh vực biển; ưu tiên phát triển các mô hình sản xuất, kinh doanh và dịch vụ biển thông minh, phát thải thấp, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và năng lượng. Hình thành các không gian phát triển đa mục tiêu, hạ tầng dùng chung, gắn với các chiến lược về quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển các tổ hợp công nghiệp quốc phòng, an ninh lưỡng dụng.

Phát triển ngành dầu khí và khai thác tài nguyên khoáng sản biển theo hướng hiệu quả, bền vững. Đẩy mạnh điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác bằng công nghệ tiên tiến; ưu tiên tài nguyên có giá trị cao, phát triển đồng bộ chuỗi từ khai thác đến chế biến sâu. Phát triển công nghiệp dịch vụ kỹ thuật dầu khí và công trình biển theo hướng hiện đại; nâng cao năng lực thiết kế, chế tạo, thi công các công trình ngoài khơi, làm chủ công nghệ và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù đối với các dự án vùng nước sâu, xa bờ, điều kiện phức tạp và mỏ cận biên; nâng cao hệ số thu hồi, khai thác tận thu. Đa dạng hoá nguồn cung, tăng cường dự trữ chiến lược, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và nâng cao năng lực quản trị rủi ro.

Phát triển kinh tế hàng hải trở thành trụ cột quan trọng của kinh tế biển, tạo tiền đề để Việt Nam vươn lên trở thành cường quốc hàng hải. Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thiện hệ thống cảng biển theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, phát triển và khai thác hiệu quả các cảng cửa ngõ và trung tâm trung chuyển quốc tế, công trình lưỡng dụng dùng chung, gắn kết đồng bộ với hệ thống hạ tầng. Đầu tư hạ tầng điện ven biển, tiếp nhận nhiên liệu sạch. Phát triển đội tàu vận tải biển hiện đại, tăng nhanh thị phần vận chuyển quốc tế. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics hàng hải, kết nối đồng bộ, hiệu quả với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa và hàng không. Phát triển công nghiệp đóng tàu theo tư duy hệ sinh thái, đồng bộ với đội tàu biển, phương tiện thuỷ nội địa, hệ thống cảng, logistics, công nghiệp phụ trợ và dịch vụ, theo hướng thân thiện môi trường, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các loại tàu biển, phương tiện và thiết bị phục vụ khai thác biển, phát triển năng lượng ngoài khơi.

Cơ cấu lại ngành thuỷ sản theo hướng hiện đại, bền vững, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với các vùng sinh thái, tích hợp đa giá trị. Tăng cường bảo tồn, phát triển nguồn gen, tự chủ sản xuất giống thuỷ sản; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản và chế biến thuỷ sản. Cơ cấu lại, hiện đại hoá đội tàu, giảm khai thác ven bờ, bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản; đẩy mạnh khai thác xa bờ và nuôi biển công nghiệp công nghệ cao, gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Ưu tiên tín dụng ưu đãi cho nuôi biển xa bờ, nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao; phát triển các cụm công nghiệp nuôi biển. Nghiên cứu, phát triển mô hình tàu nuôi trồng thuỷ sản thông minh, lồng nuôi thông minh tích hợp hệ thống năng lượng tái tạo và công nghệ số. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng, phát triển đồng bộ hệ thống bảo quản, chế biến và chuỗi công nghiệp phụ trợ. Hoàn thiện chính sách đối với ngư dân, ngư nghiệp và ngư trường thúc đẩy phát triển nghề cá bền vững, có trách nhiệm; khuyến khích phát triển nghề cá giải trí.

Phát triển du lịch và dịch vụ biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có thương hiệu và sức cạnh tranh quốc tế, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá biển. Hình thành các trung tâm, cụm du lịch biển quy mô lớn; đa dạng sản phẩm du lịch chất lượng cao, có bản sắc, ưu tiên phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tàu biển, sinh thái, thể thao, chăm sóc sức khoẻ, du lịch cộng đồng, kinh tế đêm và lễ hội du lịch biển. Ưu tiên đầu tư hạ tầng du lịch đồng bộ, hiện đại; tăng cường liên kết các không gian du lịch ven biển, biển, đảo.

Phát triển mạnh năng lượng tái tạo và các ngành, lĩnh vực biển mới. Hoàn thiện quy hoạch, cơ chế, chính sách phát triển điện gió ngoài khơi, điện mặt trời trên biển và các loại hình năng lượng khác. Xây dựng cơ chế khuyến khích, gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ đối với các nhà đầu tư nước ngoài tham gia các dự án năng lượng tái tạo biển quy mô lớn. Ưu tiên thúc đẩy chuyển đổi năng lượng bền vững tại vùng ven biển, tăng nhanh tỉ trọng năng lượng tái tạo; phát triển các nguồn phát điện tại chỗ khu vực xa bờ và các trung tâm dữ liệu ven biển. Đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực biển mới như nuôi biển công nghệ cao, y - dược biển, công nghệ sinh học biển, khử mặn nước biển, điện sóng, hiđrôgien và amôniắc xanh...

6. Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, mở rộng không gian phát triển quốc gia, hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia và khu vực

Phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng biển, ven biển, hải đảo và hạ tầng kết nối, đặc biệt với hạ tầng giao thông; mở rộng không gian phát triển ra biển xa, biển sâu và các không gian biển mới. Hình thành các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, hành lang và các vùng động lực có năng lực cạnh tranh cao, gắn kết chặt chẽ với mạng lưới đô thị quốc gia. Ưu tiên phát triển hạ tầng chiến lược, lưỡng dụng, số và năng lượng; tăng cường kết nối đồng bộ giữa các

phương thức vận tải, miền núi với miền biển, đất liền với hải đảo, các vùng động lực ven biển với các trung tâm kinh tế lớn. Phát triển mạng lưới logistics biển hiện đại, kết nối hiệu quả với khu vực và quốc tế. Hình thành các trung tâm công nghiệp, dịch vụ, logistics, năng lượng và đổi mới sáng tạo gắn với lợi thế vùng, miền. Thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sạch, công nghệ cao, chế biến sâu và các lĩnh vực có giá trị gia tăng lớn; phát triển các trung tâm cơ khí chuyên ngành, đẩy mạnh liên kết chuỗi sản xuất và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ làm nền tảng hỗ trợ các ngành hàng hải, đóng tàu, năng lượng ngoài khơi và các ngành, lĩnh vực biển mới. Hình thành chuỗi ngành công nghiệp từ sản xuất đến cung cấp dịch vụ hạ tầng cáp ngầm biển cao tốc và siêu tốc, xây dựng các trung tâm dữ liệu ven biển, dưới biển.

Phát triển các khu kinh tế ven biển theo hướng hiện đại, đa ngành, đa chức năng, gắn kết chặt chẽ với các trung tâm kinh tế và hành lang biển. Xây dựng cơ chế, chính sách vượt trội, có năng lực cạnh tranh quốc tế cao để phát triển các khu kinh tế đặc biệt, khu thương mại tự do, khu kinh tế tự do và các cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển trở thành động lực tăng trưởng quan trọng; hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia và khu vực. Phát triển hệ thống đô thị biển hiện đại, xanh, thông minh, có bản sắc, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Gắn phát triển đô thị biển với tổ chức lại không gian phát triển vùng ven biển, các mạng lưới đô thị quốc gia. Ưu tiên đầu tư phát triển, kiên cố hoá các công trình văn hoá, xã hội tại các đảo, vùng ven biển.

7. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu của các địa phương ven biển, hải đảo

Bảo vệ đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển, đảo và vùng ven biển gắn với cải thiện sinh kế bền vững cho người dân và phát triển kinh tế biển xanh. Phục hồi nguồn lợi thuỷ sản; mở rộng, quản lý hiệu quả hệ thống khu bảo tồn biển, các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao; bảo vệ, phục hồi và phát huy giá trị của các hệ sinh thái rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, bãi triều, đầm phá và các vùng sinh thái đặc thù. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Kiểm soát chặt chẽ, chủ động xử lý nguy cơ gây ô nhiễm từ các hoạt động, các nguồn thải từ đất liền, ven biển, hải đảo và trên biển; nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường biển. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn; giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải; thúc đẩy các mô hình sản xuất, tiêu dùng xanh, phát thải thấp.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; nâng cao khả năng chống chịu năng lực phòng, chống thiên tai, giảm thiểu rủi ro. Ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống đê biển gắn với tuyến đường bộ ven biển, công trình phòng, chống thiên tai, xâm nhập mặn; phục hồi và phát triển các vành đai sinh thái chắn sóng, chắn gió, rừng phòng hộ ven biển; phòng, chống xói lở, bảo vệ đường bờ biển, địa hình tự nhiên, cảnh quan và không gian ven biển. Bảo vệ, phục hồi và phát huy giá trị các bể hấp thụ cácbon xanh; từng bước nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu và cơ chế khai thác giá trị của các bể hấp thụ cácbon biển. Hoàn thiện hệ thống và nâng cao năng lực điều tra, quan trắc, giám sát, dự báo và cảnh báo sớm thiên tai, môi trường biển, xâm nhập mặn và các rủi ro sinh thái. Rà soát, đánh giá toàn diện nguy cơ, thiết lập kịch bản ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với các khu đô thị, hạ tầng, công trình cũ.

8. Xây dựng văn hoá biển, nâng cao đời sống người dân, phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân biển trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử, di sản biển, đảo gắn với xây dựng bản sắc văn hoá biển Việt Nam. Xây dựng các công viên biển, quảng trường biển, vườn sinh thái biển. Phát huy vai trò của cộng đồng cư dân ven biển, hải đảo trong phát triển không gian biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Phát huy vai trò của ngư dân, cư dân biển là chủ thể trực tiếp tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ hướng biển. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng biển, đảo, bảo đảm khả năng tiếp cận ngày càng tốt hơn cơ hội phát triển và các dịch vụ xã hội thiết yếu, nhất là y tế, giáo dục. Phát triển chính sách thu hút người dân ra sinh sống, bố trí ổn định dân cư trên các đảo có đủ điều kiện; hỗ trợ ngư dân và cư dân vùng biển, hải đảo phát triển sinh kế bền vững. Tăng cường các chính sách an sinh xã hội, bảo hiểm, tín dụng và giảm nghèo bền vững, đặc biệt quan tâm các địa bàn hải đảo xa bờ, vùng khó khăn.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển, đảo; tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế quốc gia

Phát triển quốc gia biển mạnh phải gắn kết chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại nhằm duy trì hoà bình, thúc đẩy hợp tác, đẩy lùi nguy cơ xung đột trên biển. Tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh toàn diện không gian biển, giữ vững trật tự, an toàn xã hội cho Nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển. Tăng cường xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên biển vững chắc, gắn chặt với thế trận lòng dân ở các địa phương ven biển, hải đảo. Có chính sách thu hút nguồn lực để nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ cán bộ, chuyên gia tham mưu chiến lược về biển, đảo, đại dương. Tiếp tục củng cố khu vực phòng thủ biển, đảo vững mạnh, liên hoàn,

có trọng tâm, trọng điểm; triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với dân sinh, giữa lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật với ngư dân với phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật trên biển, đảo cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo an ninh, an toàn trên biển, bảo vệ hiệu quả các công trình trọng yếu. Tăng cường năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó sự cố; bảo đảm an ninh hàng hải. Phát triển lực lượng dân quân biển, hải đội dân quân thường trực trở thành lực lượng nòng cốt, kiểu mẫu, làm chỗ dựa cho phát triển đội tàu cá hiện đại; bảo vệ, hỗ trợ ngư dân bám biển dài ngày, bảo đảm hiện diện dân sự và thực hiện chủ quyền dân sự trên vùng biển, đảo của Tổ quốc. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh kéo giảm tội phạm, tệ nạn, tai nạn, tiến đến xây dựng khu vực biển, đảo an ninh, an toàn, không có tội phạm.

Chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, công tác đối ngoại và thông tin đối ngoại về biển, đảo; phát triển quốc gia biển mạnh, góp phần giữ vững chủ quyền, môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; coi hợp tác quốc tế là một trong những động lực quan trọng để thu hút nguồn lực, tri thức, công nghệ và kinh nghiệm quản trị biển tiên tiến. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng, hoàn thiện và thúc đẩy thực thi các thể chế, quy tắc, chuẩn mực pháp lý quốc tế; tham gia có trách nhiệm, hiệu quả vào giải quyết các vấn đề khu vực và toàn cầu; tăng cường vai trò và ảnh hưởng của Việt Nam trong các cơ chế hợp tác, quản trị, khai thác và bảo vệ các vùng biển quốc tế và đại dương. Kiên trì thúc đẩy giải quyết các vấn đề phát sinh trên biển và phân định các vùng biển bằng các biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế; thực hiện đầy đủ, hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); sớm xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) thực chất, hiệu lực, phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS). Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, năng lực hội nhập quốc tế; tăng cường cử cán bộ, chuyên gia tham gia các tổ chức, cơ chế, diễn đàn và thiết chế quốc tế về biển và đại dương.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chính trị ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với các chỉ tiêu, danh mục nhiệm vụ, đề án cụ thể; lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

2. Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung Chương trình lập pháp hằng năm để triển khai thực hiện Nghị quyết; tăng cường giám sát đối với việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về biển.

3. Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động; phối hợp với Đảng uỷ Quốc hội kịp thời thể chế hoá đầy đủ các chủ trương, chính sách nêu tại Nghị quyết; bố trí đủ nguồn lực để triển khai thực hiện.

4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương và các bộ, ngành xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết.

5. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về biển.

6. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức quán triệt và tăng cường tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết.

7. Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Tô Lâm

Nơi nhận:
- Các ban đảng, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ;
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.